

KẾ HOẠCH

sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Thực hiện Chương trình làm việc năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) từ khi triển khai đến nay. Phân tích sâu những việc đã làm được, chưa làm được; những khó khăn, vướng mắc; những vấn đề thực tiễn đặt ra; chỉ rõ nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện, từ đó đề xuất với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới.

- Báo cáo sơ kết phải bám sát nội dung của Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Kế hoạch số 231-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, phản ánh đúng tình hình thực tế và đảm bảo tiến độ thời gian đề ra.

- Việc sơ kết phải thực hiện nghiêm túc, tiến hành từ cơ sở đến cấp tỉnh đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

II- NỘI DUNG SƠ KẾT

1- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2- Kết quả thực hiện:

2.1. Về nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên.

2.2. Về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ:

- Về công tác đánh giá cán bộ.

- Về đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ.

- Về đổi mới công tác ứng cử, bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Về chế độ, chính sách cán bộ.

- Về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Về kiểm tra, giám sát, kỷ luật cán bộ

2.3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới

2.4. Về kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền.

2.5. Về phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ

2.6. Về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ

3- Đánh giá những mặt làm được, mặt chưa làm được, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

4- Những nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong thời gian tới.

5- Những đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, Chính phủ và với Tỉnh ủy.

* Nội dung báo cáo theo đề cương kèm theo các biểu mẫu cụ thể sau:

- Các huyện ủy, thành ủy: xây dựng báo cáo sơ kết, tổng hợp số liệu theo biểu mẫu số 1, 2A, 2B, 3A, 3B, 4, 5, 6A, 6B, 6C, 6D, 7, 8, 9 và 18.

- Các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Báo Đồng Nai, Trường Chính trị tỉnh; Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: xây dựng báo cáo sơ kết, tổng hợp số liệu theo biểu mẫu số **10, 11, 12, 13, 14, 15 và 18**.

- Các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: xây dựng báo cáo sơ kết, tổng hợp số liệu theo biểu mẫu số **10, 11, 13, 14, 15**.

- Các tổ chức hội cấp tỉnh: xây dựng báo cáo sơ kết, tổng hợp số liệu theo biểu mẫu số **10, 11, 12, 13, 14, 15**.

- Đảng ủy khối Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh: xây dựng báo cáo sơ kết, tổng hợp số liệu theo biểu mẫu số **2A, 2B, 4, 5, 6A, 6B, 8, 9 và 18**.

- Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Tổng công ty Cao su Đồng Nai: xây dựng báo cáo sơ kết, tổng hợp số liệu theo biểu mẫu số **2A, 2B, 5, 6A, 6B, 16, 17 và 18**.

(kèm theo Đề cương và 23 biểu mẫu)

III- HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN SƠ KẾT

1- Đối với các đơn vị, địa phương: Căn cứ tình hình thực tiễn để tổ chức Hội nghị hoặc xây dựng báo cáo sơ kết phù hợp. Hoàn thành sơ kết, gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày **20/7/2023**.

2- Đối với cấp tỉnh: Không tổ chức Hội nghị sơ kết, xây dựng báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hoàn thành báo cáo sơ kết trước ngày **10/8/2023**.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ban thường vụ các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị căn cứ kế hoạch này chỉ đạo tiến hành sơ kết ở cấp mình và gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo thời gian quy định.

2- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị, địa phương sơ kết đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng báo cáo sơ kết của tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm bảo thời gian quy định.

Trên đây là kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đề nghị các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đ/c TVTU,
- BTV các cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
Trường Chính trị tỉnh, Báo Đồng Nai,
- Đảng đoàn MTTQ, các đoàn thể tỉnh,
Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương,
- Các công ty, DNNN thuộc tỉnh,
- CP.VPTU- C5,T,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

**□
Hồ Thanh Sơn**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ
(Kèm theo Kế hoạch số [so]-KH/TU ngày[ng]/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tiến hành sơ kết theo các nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Đặc điểm tình hình của đơn vị, địa phương
2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, triển khai Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) và Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; việc cụ thể hóa, ban hành văn bản thực hiện tại đơn vị, địa phương.

- Về công tác kiểm tra, giám sát; đôn đốc việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Kế hoạch số 231-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

II. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TẠI ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Nội dung đánh giá kết quả thực hiện phải bám sát nội dung Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, có số liệu minh họa và so sánh kết quả thực hiện với thực trạng tại thời điểm Nghị quyết được ban hành.

1. Về nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên

- Về quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, ngăn chặn, phản bác xử lý nghiêm, kịp thời hiệu quả những quan điểm lệch lạc, sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Về tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến, những cách làm sáng tạo, hiệu quả.

- Về tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ

2.1. Về công tác đánh giá cán bộ

Đánh giá về nhận thức, về đối tượng, tiêu chí và cách thức thực hiện đánh giá cán bộ trong thời gian qua, nhất là đánh giá cán bộ lãnh đạo chủ chốt gắn vai trò, trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; gắn với đánh giá cán bộ theo định kỳ với kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII).

2.2 Về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ.

a) Về công tác tuyển dụng:

Đánh giá kết quả thực hiện các quy định, quy trình công tác tuyển dụng tại đơn vị, địa phương.

b) Về quy hoạch cán bộ:

Đánh giá việc thực hiện các quy định, hướng dẫn về quy hoạch cán bộ, việc thực hiện cơ cấu độ tuổi, lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ trong quy hoạch. Thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý kết hợp với thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt không phải người địa phương. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch cán bộ của các cơ quan, địa phương, đơn vị trực thuộc.

c) Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; việc thực hiện quy định học tập bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên; công tác quản lý, phối hợp quản lý cán bộ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng, kết quả xử lý những cán bộ, đảng viên không chấp hành nhiệm vụ học tập.

- Việc bố trí, sử dụng cán bộ sau đào tạo, gắn đào tạo với quy hoạch cán bộ, đào tạo theo lĩnh vực công tác.

- Việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ theo quy định; việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, số lượng và tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng có trình độ ngoại ngữ bậc 4 hoặc tương đương trở lên).

- Việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (*đối với các huyện, thành phố*).

d) Về luân chuyển cán bộ:

- Việc xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ trong diện quy hoạch của địa phương, đơn vị mình. Đánh giá mối quan hệ luân chuyển với đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, kiện toàn và xây dựng đội ngũ cán bộ; việc bố trí cán bộ sau luân

chuyên; mức độ phát triển của cán bộ được luân chuyên; sự quan tâm, tạo điều kiện của lãnh đạo đơn vị, địa phương nơi cán bộ luân chuyên đến.

- Việc thực hiện chủ trương luân chuyên cán bộ kết hợp với bố trí một số chức danh lãnh đạo chủ chốt các cấp không là người địa phương và cán bộ không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2.3. Về công tác ứng cử, bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Kết quả thực hiện công tác nhân sự đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 – 2025 (về xây dựng đề án, chuẩn bị nhân sự tham gia cấp ủy các cấp, cơ cấu, số lượng, chất lượng so với nhiệm kỳ trước, tỷ lệ số dư khi giới thiệu bầu, kết quả bầu cử; việc thực hiện chủ trương bầu trực tiếp bí thư tại đại hội đảng bộ các cấp ở những nơi có điều kiện; việc thực hiện chủ trương nhân sự không trùng cử cấp ủy cấp dưới thì không giới thiệu đề bầu cấp ủy cấp trên).

- Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu về đào tạo, bồi dưỡng, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ tại đơn vị, địa phương; sắp xếp, bố trí, tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ.

- Việc cụ thể hóa tiêu chuẩn từng chức danh cán bộ; việc thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử (tái cử), miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

2.4. Về thực hiện chế độ, chính sách cán bộ

Việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ (như hế độ, chính sách tiền lương, nhà ở; chăm sóc sức khỏe cán bộ; chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chính sách hỗ trợ cán bộ điều động, luân chuyên; tinh giản biên chế; chế độ hỗ trợ cán bộ có nguyện vọng thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy...).

2.5 Về công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Đánh giá nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo các cấp về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

- Việc thực hiện quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; thực hiện chính sách xử lý, sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Việc kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở các cấp, các ngành.

2.6. Về kiểm tra, giám sát, kỷ luật cán bộ

- Việc thực hiện kiểm tra, giám sát đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý (số đoàn kiểm tra, giám sát; số tổ chức, cá nhân được kiểm tra, giám sát), những

nội dung chính kiểm tra, giám sát).

- Kết quả xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp trên xem xét xử lý sau kiểm tra, giám sát; số cán bộ bị xử lý kỷ luật (nội dung vi phạm chủ yếu).

3. Về xây dựng đội ngũ cán bộ

- Việc thực hiện thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng vào công tác trong các cơ quan, đơn vị.

- Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và triển khai thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực gắn với tinh giản biên chế.

- Việc thực hiện quản lý cán bộ theo quy định của cấp có thẩm quyền; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, rà soát, thay thế kịp thời những người năng lực hạn chế, uy tín thấp, không đủ sức khỏe, có sai phạm.

- Thực trạng về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương; thực trạng đội ngũ cán bộ thuộc diện ban thường vụ cấp ủy, tập thể lãnh đạo đơn vị quản lý (số lượng, chất lượng tính đến tháng 5/2023 so với thời điểm khi có Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương). Đánh giá ưu điểm, hạn chế của đội ngũ cán bộ.

4. Về kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền

- Đánh giá việc triển khai thực hiện quy định về kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền.

- Kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền (số đoàn kiểm tra, giám sát; số tổ chức, cá nhân được kiểm tra, giám sát), những nội dung chính kiểm tra, giám sát.

- Kết quả xử lý đối với các trường hợp không đúng về công tác cán bộ (nêu rõ số trường hợp vi phạm, nội dung xử lý như hủy bỏ, thu hồi các quyết định..., số trường hợp chưa xử lý, nguyên nhân chưa xử lý; kết quả xử lý những tổ chức, cá nhân sai phạm).

- Đánh giá việc phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân; vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ và giám sát cán bộ.

5. Về phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ

- Đánh giá việc thực hiện quy định về tiếp công dân và đối thoại với người dân.

- Việc thực hiện quy định bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ và cấp ủy viên dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư; đảng viên công tác tại xã, phường, thị trấn

sinh hoạt đảng tại chi bộ khu dân cư.

- Việc khảo sát lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức.

- Việc tiếp nhận và xử lý những ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân về đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ gửi đến cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị và qua các phương tiện thông tin đại chúng (có số liệu minh họa cụ thể).

6. Về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ

- Việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, quy định, quy chế và những chủ trương thí điểm, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển lý luận về công tác tổ chức, cán bộ.

- Thực trạng cơ quan tham mưu về công tác cán bộ (cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng, chất lượng, có những ưu điểm, hạn chế so với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ).

- Việc kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ (tuyển chọn, bố trí, đào tạo bồi dưỡng, luân chuyển...)

*** Ngoài những nội dung trên, các ban đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Sở Nội vụ (liên quan các nội dung giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh): báo cáo thêm kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 231-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, có thể báo cáo lồng ghép trong các nội dung báo cáo của phần II này.**

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TRONG THỜI GIAN TỚI

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Kiến nghị với Tỉnh ủy.
